

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP THÁNG 8 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Cẩm Thành)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh ước thực hiện 8 tháng (%)	
			Tháng 8	Lũy kế 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	513,13	96,80	775,25	151,1	
I	Thu nội địa	513,13	96,80	775,25	151,1	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	304,31	118,39	319,37	104,9	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	222,02	17,45	124,90	56,3	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	57,82	7,56	52,95	91,6	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	14,10	7,14	49,98	354,5	
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	150,10	2,75	21,97	14,6	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	82,29	8,27	101,81	123,7	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	5,44	0,45	3,62	66,6	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	76,85	7,81	98,18	127,8	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		92,67	92,67		
C	TỔNG CHI NSDP	304,31	30,98	227,65	74,8	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	227,46	30,98	227,65	100,1	
1	Chi đầu tư phát triển	21,40	3,50	7,91	37,0	
2	Chi thường xuyên	201,51	27,48	219,74	109,0	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	4,55	-	-		
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho NSDP	76,85	-	-		
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN THÁNG 8 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Cẩm Thành)

387,47

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2026	Ước thực hiện		So sánh ước thực hiện 8 tháng (%)	
			Tháng 8	Lũy kế 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	513,13	96,80	775,25	151,08	Bắt đầu hoạt động từ ngày 1/7/2025 nên không so sánh
I	Thu nội địa	513,13	96,80	775,25	151,08	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	3,35	6,60	52,76	1.575,00	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	0,00	0,45	3,61		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	295,29	27,03	216,27	73,24	
4	Thuế thu nhập cá nhân	47,00	9,99	79,94	170,09	
5	Thuế bảo vệ môi trường		25,73	205,83		
6	Các loại phí, lệ phí	49,80	6,19	49,53	99,46	
	Trđó: Lệ phí trước bạ	42,80	2,83	22,64	52,90	
7	Các khoản thu về nhà, đất	112,25	2,71	21,66	19,30	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0,00	0,00		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5,55	0,33	2,63	47,32	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2,70	1,06	8,49	314,62	
-	Thu tiền sử dụng đất	104,00	1,32	10,54	10,14	
-	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN		0,00	0,00		
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển		0,00	0,00		
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công		0,00	0,00		
10	Thu từ hoạt động xổ số		16,10	128,77		
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	4,14			0,00	
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			0,00		
-	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế			0,00		
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			0,00		
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	0,30		0,00		
14	Thu khác ngân sách	1,00	2,00	16,87	1.687,10	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	Thu viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác	0,00	0,00	-123,27		
1	Thuế GTGT			-123,27		
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	222,02	17,45	124,90	56,26	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp trên và NS phường	150,10	2,75	21,97	14,64	
2	Thuế GTGT (phần NS phường hưởng 30%)	14,10	7,14	49,98	354,49	
3	Các khoản thu NS phường hưởng 100%	57,82	7,56	52,95	91,57	

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN THÁNG 8 NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Cẩm Thành)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh ước thực hiện 8 tháng (%)	
			Tháng 8	Lũy kế 8 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	304,31	30,98	227,65	74,81	Bắt đầu hoạt động từ ngày 1/7/2025 nên không so sánh
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	227,46	30,98	227,65	100,08	
I	Chi đầu tư phát triển	21,40	3,50	7,91	36,97	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	21,40	3,50	7,91	36,97	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên	201,51	27,48	219,74	109,05	
	Trong đó:					
	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	137,04	13,64	109,11	79,62	
	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	0,11	0,78		
	Chi quốc phòng	0,42	0,16	1,27	305,09	
	Chi an ninh	0,78	0,27	2,14	272,80	
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	0,45	3,63		
	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0,64	0,04	0,35	54,92	
	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0,29	0,05	0,44	152,77	
	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0,36	0,01	0,04	12,26	
	Chi sự nghiệp môi trường	1,38	0,04	0,30	21,79	
	Chi sự nghiệp kinh tế	7,16	0,20	1,61	22,43	
	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	20,88	3,85	30,84	147,71	
	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	31,57	8,65	69,23	219,34	
	Chi thường xuyên khác	1,00			-	
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	4,55				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NSDP	76,85				
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	76,85				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG CÁC KHOẢN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG THÁNG 8

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Cẩm Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND phường	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng	128.472	98.182	30.290				117.637	10.835	
I	Bổ sung theo dự toán giao đầu năm	76.851	60.996	15.855	Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 26/12/2025		76.821	30	
1	Kinh phí thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh	815	544	271				815	-	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	815		
2	Kinh phí thực hiện hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các mức chi khác đảm bảo điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh	2.443	1.632	811				2.443	-	
							Văn phòng HĐND và UBND phường	2.443		
3	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	115	80	35				115	-	
							Trung tâm phục vụ hành chính công phường	115		
4	Chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hóa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	700	472	228				700	-	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	700		
5	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban thanh tra nhân dân	10	8	2				10	-	
							Cơ quan UBMTTQ Việt Nam phường	10		Đã điều chỉnh giảm tại

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND phường	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Kinh phí hỗ trợ công tác viên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở thôn, tổ dân phố	30		30				-	30	Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường			
7	Kinh phí thù lao chi trả chính sách BHXH	90	56	34				90	-	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	90		
8	Kinh phí trợ cấp thanh niên xung phong theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2025	26	24	2				26	-	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	26		
9	Trợ cấp mai táng phí người có công	1.170	784	386				1.170	-	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	1.170		
10	Hỗ trợ kinh phí bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở	50	40	10				50	-	
							Văn phòng HĐND và UBND phường	50		
11	Kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động	6.384	4.256	2.128				6.384	-	
							Văn phòng Đảng ủy phường	1.669		
							Cơ quan UBMTTQ Việt Nam phường	2.394		
							Văn phòng HĐND và UBND phường	1.808		
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	118		

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND phường	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
							Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	198		
							Trung tâm phục vụ hành chính công phường	197		
12	Hỗ trợ tham gia đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh	100	100	-				100	-	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	100		
13	Hỗ trợ chế độ chi tiêu hoạt động của đảng ủy xã, phường, đặc khu trực thuộc Tỉnh ủy theo Quyết định số 42-QĐ/TU ngày 02/10/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi	50	40	10				50	-	
							Văn phòng Đảng ủy phường	50		
14	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	63.821	52.264	11.557				63.821	-	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	63.821		
15	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	987	656	331				987	-	
							Trường MN Bình Minh	89		
							Trường MN Hoa Hồng	178		
							Trường MN Chánh Lộ	89		
							Trường MN Nguyễn Nghiêm	89		
							Trường TH Chánh Lộ	453		
							Trường TH Nghĩa Chánh	89		
16	Kinh phí chuyên trách CNTT theo ND 179/2025/NĐ-CP	60	40	20				60	-	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	60		
II	Bổ sung trong quá trình thực hiện dự toán	51.621	37.186	14.435				40.816	10.805	-

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND phường	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Chuyển giao kinh phí các Trạm Y tế, Bệnh xá, Phòng khám đa khoa khu vực (thực hiện nhiệm vụ Trạm Y tế) thuộc Trung tâm Y tế trực thuộc Sở Y tế về thuộc UBND các xã, phường quản lý năm 2026	5.149	3.432	1.717	Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2026		5.149	0	
							<i>Trạm Y tế phường</i>	<i>5.149</i>		
2	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ bầu cử đợt 1	700	700	-	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 20/01/2026	Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 05/3/2026		700	0	
							<i>Cơ quan UBMTTQ Việt Nam phường</i>	<i>100</i>		
							<i>Phòng Văn hóa - Xã hội phường</i>	<i>600</i>		
3	Phân bổ kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh (đợt 2)	500	500	-	Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 04/6/2026	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 04/6/2026		500	0	
							<i>Phòng Văn hóa - Xã hội phường</i>	<i>500</i>		
4	Bổ trí kinh phí quà tặng nhân dịp Tết cổ truyền và ngày Thương binh - liệt sĩ (27/7)	1.479	1.479	-	Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 22/01/2026		1.479	0	
							<i>Phòng Văn hóa - Xã hội phường</i>	<i>1.479</i>		
5	Bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách giáo dục	11.380	11.380	-	Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 08/3/2026	Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 15/4/2026		11.380	0	
							<i>Trường Mầm non Chánh Lộ</i>	<i>436</i>		
							<i>Trường Mầm non Hoa Hồng</i>	<i>644</i>		
							<i>Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm</i>	<i>333</i>		

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND phường	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
							Trường Mầm non Bình Minh	605		
							Trường Tiểu học Chánh Lộ	1.384		
							Trường Tiểu học Nguyễn Nghiêm	980		
							Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	1.205		
							Trường Tiểu học Nghĩa Chánh	1.024		
							Trường THCS Nghĩa Chánh	363		
							Trường THCS Chánh Lộ	969		
							Trường THCS Nguyễn Nghiêm	641		
							Trường THCS Trần Hưng Đạo	1.242		
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	1.554		
6	Bổ trí kinh phí thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh	282	282	-	Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 22/4/2026	Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 06/5/2026		282	0	
							Cơ quan UBMTTQ Việt Nam phường	282		
7	Phê duyệt kinh phí trợ cấp hưu trí xã hội và hỗ trợ chi phí mai táng theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ năm 2026	8.700	5.800	2.900	Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 08/4/2026	Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 17/4/2026		8.700	0	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	8.700		
8	Bổ sung quỹ tiền thưởng năm 2026 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ đối với các xã, phường, đặc khu	6.975	3.488	3.488	Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 25/5/2026		6.975	0	
							Trường MN Hoa Hồng	347		
							Trường MN Nguyễn Nghiêm	186		

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND phường	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
							Trường MN Chánh Lộ	257		
							Trường MN Bình Minh	338		
							Trường TH Chánh Lộ	638		
							Trường TH Nguyễn Nghiêm	588		
							Trường TH Nghĩa Chánh	564		
							Trường TH Trần Hưng Đạo	732		
							Trường THCS Chánh Lộ	472		
							Trường THCS Nguyễn Nghiêm	702		
							Trường THCS Trần Hưng Đạo	769		
							Trường THCS Nghĩa Chánh	421		
							Trung tâm Chính trị phường	40		
							Trung tâm cung ứng dịch vụ công phường	87		
							Văn phòng HĐND và UBND phường	193		
							Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	120		
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	123		
							Trung tâm Phục vụ hành chính công phường	70		
							Văn phòng Đảng ủy phường	193		
							Cơ quan UBMTTQ Việt Nam phường	135		
9	Phân bổ kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đợt 3)	2.080	2.080	-	Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 29/5/2026	Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 04/6/2026		2.080	0	
							Văn phòng Đảng ủy phường	84		

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND phường	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	1.344		
							Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	139		
							Văn phòng HĐND và UBND phường	178		
							Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường	174		
							Công an phường	90		
							Ban Chỉ huy quân sự phường	70		
							Trạm Y tế phường	1		
10	Bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp hằng tháng đối với thanh niên xung phong theo Nghị định số 344/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ 06 tháng cuối năm 2025 và năm 2026	33	33	-	Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 02/6/2026	Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 09/6/2026		33	0	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	33		
11	Bổ trí kinh phí thực hiện Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của HĐND tỉnh quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh	19	19	-	Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 29/5/2026	Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 05/6/2026		19	0	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	19		
12	Bổ sung kinh phí cho UBND các xã, phường, đặc khu để thực hiện kế hoạch bồi dưỡng năm 2026	2.575		2.575	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 06/7/2026	Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 07/7/2026		2.575	0	
							Trung tâm Chính trị phường	2.575		

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND phường	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Hỗ trợ cho UBND các xã, phường, đặc khu để triển khai thực hiện công tác đo đạc, lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh	60	60	-	Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 07/7/2026		60	0	
							Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	60		
14	Bổ sung quỹ tiền thưởng năm 2026 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ cho Trạm Y tế thuộc UBND các xã, phường	251	151	100	Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 14/7/2026		251	0	
							Trạm Y tế phường	251		
15	Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp, hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện và công tác tổ chức quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;	202	202	-	Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 03/7/2026	Quyết định số 1773/QĐ-UBND ngày 20/7/2026		202	0	
							Công an phường	202		
16	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách nhà ở cho người có công cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh	210	210	-	Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 17/7/2026	Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 31/7/2026		210	0	
							Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	210		
17	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách do Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành năm 2026	222	222	-	Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 24/7/2026	Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 31/7/2026		222	0	
							Phòng Văn hóa - Xã hội phường	222		
18	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng năm 2025 đã chi từ nguồn năm 2026	3.655		3.655	Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 06/8/2026				3.655	

TT	Nội dung	Số bổ sung	Số đã rút	Số chưa rút	QĐ của UBND tỉnh	QĐ phân bổ của UBND phường	Đơn vị	Số tiền phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
19	Chi bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình MTQG phòng, chống ma túy đến năm 2030	150	150	-	Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 28/7/2026				150	
20	Kinh phí sử dụng nguồn tăng thu và dự toán chi còn lại của ngân sách tỉnh năm 2025	7.000	7.000	-	Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 22/5/2026				7.000	
III	Kinh phí tạm ứng, ứng trước									

PHỤ LỤC
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND phường Cẩm Thành)

ĐVT: tỷ đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng nguồn dự phòng ngân sách phường	6,45	
1	Dự toán tại Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND phường về việc giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2026	4,55	
2	Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 26/3/2026 của UBND phường về phương án sử dụng tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại năm 2025	1,90	
II	Đã phân bổ thực hiện	2,53	
1	Văn phòng Đảng ủy phường	0,10	
	<i>Kinh phí tổ chức Hội thi báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi năm 2026, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 phường Cẩm Thành</i>	0,10	Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND phường
2	Ban chỉ huy quân sự phường	0,73	
	<i>Kinh phí đảm bảo công tác tuyển quân năm 2026</i>	0,13	
	<i>Kinh phí đăng ký nghĩa vụ quân sự năm 2026</i>	0,05	Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND phường
	<i>Kinh phí huấn luyện dân quân cơ động năm 2026</i>	0,17	
	<i>Kinh phí thăm chiến sĩ mới</i>	0,03	
	<i>Huấn luyện Dân quân tại chỗ</i>	0,24	
	<i>Huấn luyện Tự vệ nhà nước</i>	0,04	Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của UBND phường
	<i>Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh</i>	0,05	
	<i>Cập nhật kiến thức Quốc phòng an ninh</i>	0,01	
3	Công an phường	0,29	
	<i>Kinh phí phục vụ công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ và Hội thao nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn cứu hộ "Lực lượng cơ sở, chuyên ngành, dân phòng"</i>	0,06	
	<i>Kinh phí tổ chức Lễ ra quân lập lại trật tự đô thị và ra mắt mô hình "Tổ dân phố bảo đảm trật tự đô thị, trật tự công cộng"</i>	0,02	Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND phường
	<i>Hỗ trợ công tác thực hiện nhiệm vụ thu nhận hồ sơ tài khoản định danh mức độ 2 cho trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 14 tuổi trên địa bàn phường Cẩm Thành</i>	0,12	
	<i>Kinh phí tập luyện và dự thi Vòng loại Hội thi lực lượng tham gia đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở giỏi tỉnh Quảng Ngãi năm 2026</i>	0,04	Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của UBND phường

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	Kinh phí tham gia vòng chung kết Hội thi lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở giỏi tỉnh Quảng Ngãi năm 2026	0,04	UBND ngày 20/11/2020 của UBND phường
4	Văn phòng HĐND và UBND phường	0,71	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tư pháp năm 2026	0,20	
	Kinh phí phục vụ các kỳ họp HĐND và Thường trực HĐND và các nhiệm vụ khác	0,33	
	Kinh phí phục vụ hoạt động chung của UBND phường	0,18	
5	Trạm Y tế phường	0,20	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch năm 2026	0,20	Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND phường
6	Phòng Văn hóa - Xã hội phường	0,43	
	Bổ sung kinh phí tham gia Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh cho Phòng Văn hóa - Xã hội phường	0,10	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 02/6/2026
	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến cử tri Đề án sắp xếp Tổ dân phố trên địa bàn phường Cẩm Thành	0,08	Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND phường
	Chi bầu cử Tổ trưởng Tổ dân phố	0,10	
	Tập huấn công tác vệ sinh an toàn thực phẩm	0,05	
	Đại hội Thể dục thể thao tỉnh (phát sinh thi đấu môn bóng đá nam đội tuyển 11)	0,03	
	Chính sách và các hoạt động phục vụ đối tượng chính sách nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7 và một số nhiệm vụ khác...	0,08	
7	Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam phường	0,07	
	Bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh của các Hội năm 2026	0,07	Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của UBND phường
III	Nguồn còn lại chưa phân bổ	3,92	